

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5- 2018

V/v ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Linh.

2. Bà Võ Kim Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 257 ấp AQ, xã HAĐ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 91 ấp AB, xã MAHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 02 năm 2018 và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Tuyết N trình bày là chị N và anh Lê Văn L tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 6/2012, nhưng không đăng ký kết hôn, có xác nhận ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã HAĐ và Ủy ban nhân dân xã MAHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Sống chung với nhau đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp nhau, anh L không lo làm ăn, mà thường uống rượu, đánh chị N nên chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 01/2016 đến nay. Do vậy chị N yêu cầu được ly hôn anh L. Về nuôi con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là Lê Phúc H, sinh ngày

16/7/2015, hiện anh L đang nuôi dưỡng con chung và khi ly hôn, chị N đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị N không cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, về nợ chung: Không có.

Anh Lê Văn L có nhận văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng không gửi văn bản cho biết ý kiến của anh L qua yêu cầu của chị N, cũng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Nguyễn Tuyết N khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Lê Văn L là những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh L thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L có địa chỉ cư trú số 91 ấp AB, xã MAHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án dân sự trên là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh L, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng anh L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Từ tháng 6/2012 đến 01/2016 chị Nguyễn Tuyết N và anh Lê Văn L chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn là thật, chị N thừa nhận và có xác nhận ngày 07/3/2018 của Ủy ban nhân dân xã HAD và Ủy ban nhân dân xã MAHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp về tình trạng hôn nhân của chị N và anh L để chứng minh.

Pháp luật quy định việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình, nhưng không tuân thủ về đăng ký kết hôn quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Mà hậu quả của việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình. Do vậy, khi chị N yêu cầu xin ly hôn anh L, Tòa án cũng không xem xét giải quyết cho ly hôn mà đưa vụ án ra xét xử, quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tuyết N và anh Lê Văn L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung:

Chị N và anh L có 01 con chung tên là Lê Phúc H, sinh ngày 16/7/2015, hiện anh L nuôi dưỡng là thật, được chị N thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu Hậu chứng minh.

Xét thấy, khi chị N và anh L xa nhau đến nay, thì anh L là người nuôi dưỡng con chung và khi ly hôn chị N đồng ý để anh L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy sự tự nguyện của chị N phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định giao con chung Lê Phúc H, sinh ngày 16/7/2015 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L thì chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; anh L cùng gia đình không cản trở chị N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh L không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản:

Chị N trình bày không có.

[5] Về nợ chung:

Chị N trình bày không có.

[6] Về án phí:

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tuyết N và anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Lê Phúc H, sinh ngày 16/7/2015 cho anh Lê Văn L trực tiếp nuôi dưỡng (anh L đang nuôi dưỡng con chung).

2.2. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; anh L cùng gia đình không cản trở chị N trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không có ý kiến gì nên Tòa án không xem xét.

3. Về chia tài sản: Chị N trình bày không có.

4. Về nợ chung: Chị N trình bày không có.

5. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001375 ngày 07 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- UBND xã MAHA, HAD;
- Các đ/s;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thúy Hằng